

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-ST

Ngày: 04/9/2019

“V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Long Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Đình Nguyên.

2. Ông Nguyễn Bảo Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A: Bà Phan Thị Huyền Bích -Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-DS ngày ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam**; địa chỉ: 02 Đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Phan Văn G** – Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Agribank Chi nhánh thị xã A Đông Gia Lai; (Theo Quyết định ủy quyền số 151/NHNoAK-QĐ ngày 01/8/2019). Địa chỉ chi nhánh: 584 Quang Trung, Tổ 7, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị Kim C**, sinh năm 1970 và ông **Bùi Văn L**, sinh năm: 1964; Địa chỉ đăng ký thường trú: Tổ 10 (nay là Tổ 9), phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Đại diện theo ủy quyền ông Phan Văn G trình bày:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có cho bà Phạm Thị Kim C và ông Bùi Văn L vay số tiền 200.000.000đ để mua bán, kinh doanh, phục vụ sinh hoạt gia đình theo hợp đồng tín dụng số 0948-18/HĐTD ngày 20/6/2018, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay trong hạn là 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất được

ghi trong giấy nợ. Hình thức cho vay có bảo đảm bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp số 0498-18/HĐTC ngày 19/6/2018. Thời hạn định kỳ trả nợ gốc và lãi như sau: Lãi trả theo từng quý vào ngày 28 của tháng cuối cùng quý đó, tiền gốc phải trả lần đầu là ngày 28/6/2019 trả 5.000.000đ; ngày 28/6/2020 trả 10.000.000đ; ngày 20/6/2021 trả 185.000.000đ;

Quá trình thực hiện hợp đồng bà C và ông L không thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi và tiền gốc như đã cam kết, mới chỉ trả được 01 kỳ lãi là 6.087.671đ vào ngày 01/10/2018 sau đó không trả lần nào nữa, vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa buộc bị đơn bà Phạm Thị Kim C và ông Bùi Văn L phải hoàn trả cho Ngân Hàng số tiền gốc còn nợ là 200.000.000đ và tiền lãi trong hạn, quá hạn phát sinh đến ngày xử sơ thẩm hôm nay (04/9/2019) là: 20.604.658đ, (trong đó lãi trong hạn là 20.553.425đ, lãi quá hạn là 51.233đ), tổng cộng bà C ông L phải trả cho Ngân hàng là 220.604.658đ (Hai trăm hai mươi triệu, sáu trăm lẻ bốn nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị Kim C và ông Bùi Văn L được Tòa án thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, triệu tập và thông báo hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên không có văn bản trình bày ý kiến trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây gọi tắt là BLTTDS). Nguyên đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định trong BLTTDS, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ mà BLTTDS quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Nên tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điều 227 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà bị đơn bà Phạm Thị Kim C và ông Bùi Văn L phải trả cho nguyên đơn số tiền 200.000.000đ nợ gốc và tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn phát sinh (trong đó tiền lãi trong hạn là: 20.553.425đ; lãi quá hạn là: 51.233đ).

Về án phí: Buộc bà C, ông L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và nghe lời trình bày đại diện nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam khởi kiện bà Phạm Thị Kim C và ông Bùi Văn L theo Địa chỉ đăng ký thường trú ghi trong hợp đồng và đơn khởi kiện: Tổ 10 (nay là Tổ 9), phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bà C, ông L không còn cư trú tại địa chỉ nêu trên, nhưng không báo cho bên Ngân hàng biết nên đây được xem là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Sau khi Tòa án thụ lý, Tòa án đã tiến hành thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng cho bà C, ông L theo quy định

tại Điều 180 BLTTDS để triệu tập bà C, ông L lên Tòa án để làm việc nhưng bà C, ông L vẫn không đến. Do vậy, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 của BLTTDS, thì đây là vụ án “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai, căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà C, ông L.

Về việc thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện: Trong đơn khởi kiện ngày 11/5/2019, Ngân hàng yêu cầu bà Phạm Thị Kim C và ông Bùi Văn L phải trả lại số tiền còn nợ từ hợp đồng tín dụng cả gốc và lãi là 213.501371đ và cả tiền lãi phát sinh cho đến khi hết nợ Ngân hàng. Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn yêu cầu bà C, ông L trả số tiền gốc còn nợ Ngân hàng là 200.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ hợp đồng vay với số lãi trong hạn là 20.553.425đ; lãi quá hạn là 51.233đ. Xét việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp, trong phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 BLTTDS, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi này của nguyên đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét Hợp đồng tín dụng số 0948-18/HĐTD mà Ngân hàng và bà Phạm Thị Kim C, ông Bùi Văn L xác lập vào ngày 20/6/2018 thì thấy rằng: Tại thời điểm giao kết các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng hai bên đã lập thành văn bản vào ngày 20/6/2018 có đầy đủ chữ ký của hai bên; nội dung mà các bên giao kết trong Hợp đồng số 0948-18/HĐTD thể hiện Ngân hàng cho bà C, ông L vay số tiền 200.000.000đ, mục đích vay: mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình và sửa chữa công trình phụ, thời hạn vay là 36 tháng, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh theo từng quý, ngày trả nợ gốc và lãi là ngày 28 của tháng cuối của quý đó, kể từ thời điểm nhận tiền vay 20/6/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc (20/6/2021); trong đó tiền gốc phải trả cố định 20/6/2019 là 5.000.000đ, tiền lãi trả đợt đầu vào ngày 28/9/2018, lãi suất vay là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; nếu bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bên cho vay có quyền khởi kiện để thu hồi vốn trước thời hạn.

Về mục đích vay: Theo Giấy nhận nợ ghi “bù đắp chi phí sửa chữa nhà và công trình phụ”.

Nội dung thỏa thuận nêu trên không vi phạm điều cấm, mức lãi mà các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 11 Thông tư số 21/2012/TT- NHNN ngày 18/6/2012 của Ngân hàng Nhà nước, hình thức của hợp đồng đảm bảo đúng quy định tại Điều 15 của Thông tư số 21/2012/TT- NHNN ngày 18/6/2012 của Ngân hàng Nhà nước. Như vậy đã đáp ứng đầy đủ quy định về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự tại Điều 117 Bộ luật dân sự, nên Hợp đồng tín dụng số 0948-18/HĐTD mà các bên xác lập vào ngày 20/6/2018 có hiệu lực pháp luật, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

Xét trong quá trình thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, bên Ngân hàng đã giải ngân số tiền 200.000.000đ cho bà C, ông L vào ngày 20/6/2018. Sau khi vay bà C, ông L mới chỉ trả được số tiền 6.087.671đ, sau đó không trả lãi theo cam kết như trong hợp đồng, đồng thời bà C, ông L bỏ đi khỏi địa phương nhưng không thông báo cho Ngân hàng. Như vậy bà C, ông L đã vi phạm nghĩa vụ quy định tại

điểm a, b khoản 7.2 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng mà hai bên cam kết và vi phạm nghĩa vụ được quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 17 Thông tư số 21/2012/TT-NHNN ngày 18/6/2012 của Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng khởi kiện để thu hồi nợ là có căn cứ theo quy định tại điểm b mục 6.1 Điều 6 Hợp đồng tín dụng và điểm đ khoản 1 Điều 16 Thông tư số 21/2012/TT- NHNN ngày 18/6/2012 của Ngân hàng Nhà nước.

[3] Về số tiền còn nợ và nghĩa vụ trả nợ: Ngân hàng yêu cầu bà C và ông L phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ là 200.000.000đ và tiền nợ lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ thời điểm trả nợ cuối cùng ngày 01/10/2018 đến nay (ngày 04/9/2019) với số tiền là 20.604.658đ. Hội đồng xét xử xét thấy, do bà C ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà C ông L phải thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền gốc và lãi nêu trên là phù hợp.

Vì vậy, cần buộc bà Phạm Thị Kim C, ông Bùi Văn L phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền tổng cộng 220.604.658đ (Hai trăm hai mươi triệu, sáu trăm lẻ bốn nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng).

Trong vụ án này, Ngân hàng còn cung cấp cho Tòa hợp đồng thế chấp tài sản số 0498-18/HĐTC ngày 19/6/2018 để đảm bảo khoản vay, tuy nhiên không ai tranh chấp về Hợp đồng thế chấp nêu trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS; khoản 2, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn bà Phạm Thị Kim C và ông Bùi Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là $220.604.568đ \times 5\% = 11.030.232đ$.

Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng khác: Chi phí cho việc đăng tin là 5.272.000đ, Ngân hàng là bên yêu cầu, Ngân hàng đã tạm ứng toàn bộ chi phí này, Ngân hàng chịu toàn bộ chi phí này. Ngân hàng đã nộp đủ chi phí này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, điểm b, khoản 1 Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 117, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2, 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, cụ thể như sau:

Buộc bà Phạm Thị Kim C và ông Bùi Văn L phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn - Chi nhánh thị xã A Đông Gia Lai) số tiền 220.604.658đ (*Hai trăm hai mươi triệu, sáu trăm lẻ bốn nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xử sơ thẩm hôm nay (ngày 04/9/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0948-18/HĐTD đã lập ngày 20/6/2018 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh thị xã A Đông Gia Lai) với bà Phạm Thị Kim C và ông Bùi Văn L.

- *Về chi phí tố tụng*: Chi phí cho việc đăng tin là 5.272.000đ (*Năm triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng*), Ngân hàng chịu toàn bộ chi phí này và đã nộp đủ.

- *Về án phí*: Buộc bà Phạm Thị Kim C và ông Bùi Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.030.232đ (*Mười một triệu không trăm ba mươi nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng*).

Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh thị xã A Đông Gia Lai) tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.337.534đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007318 ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (04/9/2019), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Long Sơn

